

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Trường Út – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn Kim Lân, xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn Vọng Sơn, xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lưu Thị Thanh, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn Kim Sơn, xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Hào, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn Vọng Sơn, xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Ông Trần Trọng Bằng, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1977;

Đều trú tại: Khu 9, xã Đình Chu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Cần, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Thôn Ái Quốc, xã Đình Chu, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/6/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị H ngày 27/02/2004, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc. Sau khi cưới chị H về gia đình anh làm dâu được khoảng 01 tháng, sau đó vợ chồng chuyển về xã Triệu Đề mua đất làm nhà và ở riêng ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H không nghe, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Sau đó vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 4/2020. Trước đây anh vẫn còn tình cảm với chị H, vẫn thương yêu chị và các con, hiện nay anh vẫn rất thương yêu các con. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, anh xin ly hôn chị H.

Trong bản tự khai ngày 13/7/2020 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như anh H trình bày là đúng. Chị xác định trong thời gian vợ chồng chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, không có xích mích gì, vợ chồng vẫn chung sống tình cảm với nhau, chị vẫn mong anh rút đơn trở về đoàn tụ cùng mẹ con chị vì chị vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh và các con chị cũng đều mong muốn bố mẹ trở về chung sống hạnh phúc cùng nhau để các cháu được phát triển đầy đủ cả về thể chất, tinh thần và yên tâm học tập; bản thân anh H chỉ có hay uống rượu dẫn đến bị bệnh có nhiều lần phải đi cấp cứu chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe chị cũng đã dùng nhiều biện pháp để dọa anh H nhưng anh không thay đổi. Nay anh H đã cố tình xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị H cùng xác định có 02 con là cháu Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 08/2/2003 và cháu Nguyễn Thị Thùy, sinh ngày 01/9/2005. Ly hôn, anh H chị H thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung: Anh H, chị H cùng thống nhất đề nghị xin rút yêu cầu chia tài sản, công nợ và không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Về tài sản riêng, công sức, công nợ: Anh H, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Lưu Thị Thanh trình bày: Chị quan hệ với chị H, anh H là người cùng xã. Trước đây chị H, anh H có nhiều lần vay tiền của gia đình chị sau đó đã trả.

Khoảng đầu tháng 8/2020 chị H nhờ anh rể chị là anh Hào vay tiền của gia đình chị số tiền 200.000.000đ, khi vay có thể chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn H. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Quá trình vay chị H, anh H chưa trả tiền cho gia đình chị. Nay anh H, chị H ly hôn thì phải có trách nhiệm trả cho chị, chị không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Ông Trần Trọng Bằng trình bày: Ông là em họ của chị H, khoảng tháng 11/2018 ông có cho anh H, chị H vay số tiền là 50.000.000đ. Khi vay anh H đang nằm viện nên chị H trực tiếp đến vay. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận còn lãi suất thỏa thuận miệng nếu đến tháng 9/2019 mà không trả thì lúc đó phải trả lãi cho tôi là 500.000đ/tháng. Nay chị H anh H ly hôn thì phải có trách nhiệm trả cho ông cả gốc và lãi, ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm trình bày: Bà là dì ruột của chị H, khoảng năm 2013 bà có cho vợ chồng chị H anh H vay số tiền 70.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 0,65%/tháng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận đầy đủ. Nay chị H anh H ly hôn thì phải có trách nhiệm trả cho bà, bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Anh Nguyễn Văn Hào trình bày: Khoảng tháng 8/2018 chị H đi làm trong Miền nam, ở nhà anh H bị bệnh không có tiền nên có nhờ anh mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho nhà anh Lương Tuấn để vay số tiền 200.000.000đ, khi vay hai bên làm giấy biên nhận và thỏa thuận 1,5%/tháng. Số tiền vay tôi đã chuyển cho gia đình chị H. Việc chị H nhờ anh vay anh cũng không rõ anh H có biết hay không. Sau này nhà anh Lương Tuấn đòi tiền tôi đã phải vay tiền trả cho anh Lương Tuấn. Do chị H anh H không có tiền trả cho anh nên anh lại đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho nhà anh Thanh Toàn vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 2%/ tháng để chị H trả cho anh. Nay chị H anh H ly hôn thì phải có trách nhiệm trả cho anh, anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị H; chị H trực tiếp nuôi con chung, anh H không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do anh H, chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí, anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây

là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn là chị Hoàng Thị H có địa chỉ tại xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị H là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do anh H hay uống rượu dẫn đến sức khỏe yếu phải đi bệnh viện nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh H nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính nên từ đó vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 4/2020 anh H bỏ về sống cùng cháu anh, vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay. Nay anh H và chị H cùng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn, xét đề nghị của anh H và chị H là tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét thỏa thuận của anh H và chị H về việc nuôi con chung chưa thành niên là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Xét việc anh H có đơn và đề nghị xin rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tại phiên tòa anh H, chị H cùng thống nhất nội dung này không đề nghị giải quyết về công nợ.

Đối với các khoản vay nợ mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trình bày nay anh H, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này mà có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về tài sản riêng, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền mà anh H đã nộp để chi phí cho việc thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000đ. Số tiền này đã được chi phí trong quá trình thẩm định tài sản. Do anh H xin rút yêu cầu chia tài sản do vậy anh phải chịu toàn bộ số tiền này.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền mà anh H nộp tạm ứng để chia tài sản, do anh H rút yêu cầu nên số tiền này sẽ được trả lại cho anh H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị H.

Công nhận sự thỏa thuận chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 08/2/2003 và cháu Nguyễn Thị Thùy, sinh ngày 01/9/2005, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và công nợ của anh H, chị H

Anh H phải chịu toàn bộ số tiền chi phí cho việc thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000đ (xác nhận anh H đã nộp).

Về tài sản riêng, công sức: Anh H, chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.300.000đ theo biên lai số: 0007785 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trả anh H số tiền tạm ứng chia tài sản là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án, hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã Triệu Đề;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Lực

